

Bản án số: 207/2018/DS-PT

Ngày: 28 - 12 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yển – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DSST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 330/2018/QĐPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Minh T; Cư trú tại: Đường C, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N; Cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị H; Cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị H; Cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Minh T trình bày:

Vào ngày 16/12/2013, ông T có cho ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, hai bên có lập biên nhận vay. Để đảm bảo cho việc vay hai bên có thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 2234, diện tích 101,5m², loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long tại Văn phòng công chứng A. Sau khi vay, ông N, bà H có đóng lãi cho ông đến tháng 12/2016 thì ngưng và có trả dần nhiều lần tiền vốn cho ông bằng số tiền 14.300.000 đồng còn lại 28.300.000 đồng.

Vào ngày 18/8/2015, ông N và bà H tiếp tục vay thêm số tiền là 12.600.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Số tiền này kể từ ngày vay tiền cho đến nay, ông N và bà H không có trả tiền vốn, lãi cho ông.

Nay ông yêu cầu ông N và bà H phải trả cho ông số tiền vốn hai khoản vay (15.700.000 đồng + 12.600.000 đồng = 28.300.000 đồng) và tính lãi suất theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ tháng 12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, chỉ yêu cầu tính tròn 20 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn N và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 16/12/2013, ông và bà H có vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, vay không thời hạn, vay dưới hình thức ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên ông N và bà H chuyển nhượng cho anh phần đất thửa 2234, diện tích 101,5m², loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi vay, tính đến ngày 06/3/2018 ông và bà có trả dần cho ông T số tiền 14.300.000 đồng và trả lãi từ sau khi vay đến tháng 12/2016 thì ngưng cho đến nay.

Riêng đối với số tiền vay là 12.600.000 đồng ngày 18/8/2015 thì ông, bà không có vay tiền của ông T, do ông T yêu cầu ký tên vào biên nhận này với lý do trả giấy tờ đất cho ông Phạm Văn B (anh ruột của bà H) nên ông bà mới đồng ý ký tên và không có xem lại nội dung.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông bà thống nhất trả số tiền vay còn nợ lại 15.700.000 đồng và đồng ý trả lãi 1%/ tháng từ tháng 12/2016 đến nay theo yêu cầu của ông T. Riêng đối với biên nhận vay số tiền 12.600.000 đồng vào ngày 18/8/2015 thì ông bà không vay nên không đồng ý trả vốn lãi theo yêu cầu của ông Thông.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hương trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bị đơn, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DSST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 92, 147, 161, 162, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Minh T.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho anh Dương Minh T số tiền nợ vốn và lãi của hai khoản vay tổng cộng là 33.960.000 đ (Ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí giám định, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, bị đơn Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền vốn vay 12.600.000 đồng theo biên nhận ngày 18/8/2015 và tiền lãi; yêu cầu xem xét lại tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Đồng ý trả số tiền vốn còn lại theo biên nhận vay ngày 16/12/2013 bằng số tiền 15.700.000 đồng và

tiền lãi 1%/tháng từ tháng 12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 20 tháng theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà H, ông N không đồng ý trả cho ông T số tiền vốn, lãi vay theo biên nhận ngày 18/8/2015, vì ông bà không có vay số tiền trên.

Bà H và ông T tự nguyện thỏa thuận: Vô hiệu toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập 16/12/2013 giữa ông Dương Minh T và ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H được công chứng tại Văn phòng công chứng A (số 3424, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2013) đối với thửa đất 2234, tờ bản đồ số 4, diện tích 101,5 m² tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ông Dương Minh T đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số B0 665703 đối với thửa đất 2234, tờ bản đồ số 4, diện tích 101,5 m² tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Văn N, ngày 22/11/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà H với ông T về việc vô hiệu toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập 16/12/2013 giữa anh Dương Minh T và ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H được công chứng tại Văn phòng công chứng A. Ông Dương Minh T có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số B0 665703 đối với thửa đất 2234, tờ bản đồ số 4, diện tích 101,5 m² tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Văn N, ngày 22/11/2013.

Không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà H về việc không đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay 12.600.000 đồng và lãi vay theo biên nhận ngày 18/8/2015. Buộc ông N, bà H liên đới trả cho ông T số tiền vốn, lãi hai khoản tiền vay bằng 33.960.000 đồng. Bà H, ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ông T và bà H đều thừa nhận ngày 16/12/2013, ông Dương Minh T có cho ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi

suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Để đảm bảo cho việc vay hai bên có thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 2234, diện tích 101,5m², loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long tại Văn phòng công chứng A. Ông T, bà H thừa nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên giữa ông T với ông N, bà H là hợp đồng giả tạo ký kết nhằm che giấu hợp đồng vay số tiền 30.000.000 đồng. Căn cứ Điều 129 của Bộ luật dân sự quy định: *“Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch khác thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che giấu vẫn có hiệu lực...”*. Xét án sơ thẩm xác định giao dịch vay tài sản có hiệu lực nhưng không giải quyết vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập 16/12/2013 giữa ông Dương Minh T và ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H được công chứng tại Văn phòng công chứng A là chưa giải quyết toàn diện vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông T và bà H đồng ý thỏa thuận vô hiệu toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập 16/12/2013 giữa ông Dương Minh T và ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H được công chứng tại Văn phòng công chứng A (số 3424, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2013), đối với thửa đất 2234, tờ bản đồ số 4, diện tích 101,5 m², tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ông Dương Minh T trả lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số B0 665703 đối với thửa đất 2234, tờ bản đồ số 4, diện tích 101,5 m² tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Văn N, ngày 22/11/2013. Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, sửa bản án sơ thẩm.

[2] Số tiền vay 30.000.000 đồng ngày 16/12/2013 ông T thừa nhận đến ngày 18/8/2015 ông N và bà H đã trả tiền vốn 14.300.000 đồng, còn nợ vốn 15.700.000 đồng. Tại phiên tòa bà H thừa nhận còn nợ ông T số tiền vốn 15.700.000 đồng và đồng ý trả lãi 1%/ tháng từ tháng 12/2016 đến ngày 10/9/2018 bằng 20 tháng nên yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận.

[3] Đối với số tiền vay 12.600.000 đồng ông T cho rằng ông đã giao đủ tiền cho bà H, ông N nhận và biên nhận lập ngày 18/8/2015 có chữ ký của ông N, bà H từ khi vay đến nay ông N, bà H chưa trả vốn, lãi. Còn bà H, ông N đều thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 18/8/2015 nhưng ông bà không có nhận số tiền trên. Lý do ông bà ký biên nhận vay lúc đầu ông bà khai do khi ký tên ông bà không đọc lại nội dung và nhầm tưởng rằng ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh của bà H. Tại đơn kháng cáo ông bà lại cho rằng số tiền trong biên nhận trên là tiền lãi vay nhập vào. Xét

nội dung biên nhận lập ngày 18/8 thể hiện: “Ngày 18/8 tôi tên Nguyễn Văn N và vợ Phạm Thị H có mượn của ông Dương Minh T số tiền 12.600.000 đồng, lãi suất 6%/tháng nếu không đóng lãi 1 tháng ông T có quyền khởi kiện” và tại kết luận số 342/KLGD-PC54, ngày 31/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Long đã kết luận chữ ký dưới chữ viết tên Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H trong biên nhận và chữ ký mẫu do ông N, bà H ký cung cấp là do cùng một người ký. Ngoài ra, ông N và bà H không cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền trên là khoản tiền lãi số tiền vay 30.000.000 đồng vay năm 2013 nhập vào nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, bà H. Về số tiền lãi ông T yêu cầu tính lãi từ tháng 12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 20 tháng, mức lãi 1%/ tháng là phù hợp nên được chấp nhận. Do đó, án sơ thẩm buộc ông N, bà H có trách nhiệm trả cho ông T tiền vốn, lãi hai khoản vay là 15.700.000 đồng + 12.600.000 đồng = 28.300.000 đồng x 1%/tháng x 20 tháng = 33.960.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về án phí:

Do có căn cứ buộc ông N, bà H trả số tiền vốn, lãi cho ông T số tiền 33.960.000 đồng nên án sơ thẩm buộc ông N, bà H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền trên là phù hợp với Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án . Ông N, bà H kháng cáo không đồng ý nộp án phí sơ thẩm nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông, bà thuộc đối tượng miễn giảm án phí theo quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Ông Dương Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với phần vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do sửa án sơ thẩm nên ông N và bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí giám định không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 127, 129, 471, 474, 476, 688, 697 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DSST ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vốn, lãi đối với các khoản nợ vay còn lại theo biên nhận ngày 16/12/2013 và khoản nợ vay biên nhận ngày 18/8/2015.

2. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Dương Minh T số tiền vốn, lãi bằng 33.960.000 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm sáu chục ngàn đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm những vấn đề sau:

Vô hiệu toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập 16/12/2013 giữa ông Dương Minh T và ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H được công chứng tại Văn phòng công chứng A (số 3424, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2013). Ông Dương Minh T có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số B0 665703 đối với thửa đất 2234, tờ bản đồ số 4, diện tích 101,5 m² tọa lạc ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Văn N, ngày 22/11/2013.

4. Án phí:

Ông Dương Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 918.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1440 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho ông Thông số tiền 618.000 đ (Sáu trăm mười tám ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H phải chịu 1.698.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 600.000 đồng theo biên lai số 1861 ngày 01 tháng 10 năm 2018

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Ông N, bà H phải nộp tiếp số tiền 1.098.000 đ (Một triệu không trăm chín mươi tám ngàn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí giám định không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H LH: 01;
- VKSND H LH: 01;
- Chi Cục THADS H LH: 01;
- Đương sự: 3;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca